

### Hoạt động thực tế

Trao đổi với người thân để biết quãng đường từ nhà em đến quê nội, quê ngoại dài bao nhiêu.

Làm tròn các số đo trên đến hàng chục.

## LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ (1 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được ba chữ số La Mã: I, V, X.
- Đọc, viết các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.

**2. Năng lực chú trọng:** giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

**Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm, yêu nước.

### B. Thiết bị dạy học

GV: Mô hình đồng hồ thứ nhất chỉ có bốn số 12, 3, 6, 9;

Mô hình đồng hồ thứ hai có số ghi bằng số La Mã.

(Hai mô hình này có thể thay thế bởi hình vẽ trên bảng, khi cần thiết GV vẽ kim đồng hồ.)

### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

#### KHỞI ĐỘNG

**Trò chơi:** Xem đồng hồ.

- GV dùng mô hình đồng hồ thứ nhất, xoay kim để đồng hồ chỉ giờ đúng (kim phút chỉ số 12).

Chẳng hạn: 9 giờ, 3 giờ, 6 giờ, 10 giờ, 1 giờ, 4 giờ, 8 giờ.

- HS đọc giờ.



#### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

##### 1. Giới thiệu ba chữ số La Mã: I, V, X

- HS xem đồng hồ phần Khởi động (SGK) và đọc giờ.
- GV giới thiệu cho HS biết các số ghi trên mặt đồng hồ là các số ghi bằng chữ số La Mã.
- GV giới thiệu ba chữ số thường dùng: I, V, X.
  - + GV viết lên bảng: I (diễn giải: chữ I in).
  - + Giới thiệu: đây là chữ số La Mã.

+ GV đọc: “một”, HS **đọc** theo.

Làm tương tự chữ số V (năm), X (mười). Sau đó, GV chỉ vào mỗi số (I, V, X) vừa viết vừa cho HS đọc lại.

- HS **tim** ba chữ số vừa học trên mặt đồng hồ (gắn trên bảng lớp).

## 2. Giới thiệu cách đọc, viết các số La Mã trong phạm vi 20

### a) Các số La Mã từ 1 đến 12

- GV giới thiệu cách đọc, viết các số La Mã từ một (I) đến mười hai (XII): chỉ giới thiệu từng số, chưa giới thiệu nguyên tắc khái quát.

+ GV viết.

+ GV đọc.

+ HS **đọc**.

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

- GV giới thiệu sơ lược, HS bước đầu **làm quen** giá trị các chữ số khi đứng cạnh nhau.

+ Số II (hai chữ số I viết liền nhau nên có giá trị là “hai”).

+ Số IV, IX (chữ số I viết liền bên trái chỉ giá trị V hay X bớt đi một đơn vị).

+ Số VI, XI (chữ số I viết liền bên phải chỉ giá trị V hay X tăng thêm một đơn vị).

- HS **đọc** các chữ số La Mã trong bảng.

HS **đọc** các chữ số La Mã trên mặt đồng hồ (trên bảng lớp).

+ Đọc theo chiều kim đồng hồ (từ XII đến I).

+ Đọc ngược chiều kim đồng hồ (từ XII đến I).

+ Đọc số bất kì theo tay chỉ của GV.

- HS **viết** các số sau bằng chữ số La Mã (nhìn mẫu trên bảng để viết):

a) 1, 5, 10      b) 4, 9      c) 10, 11, 12

1, 2, 3      6, 7, 8.

### b) Các số La Mã từ 13 đến 20

- GV giới thiệu cách đọc, viết các số La Mã từ mười ba (XIII) đến hai mươi (XX).

XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX
13	14	15	16	17	18	19	20

+ GV vừa viết vừa đọc.

+ HS **đọc** các số La Mã từ mười ba (XIII) đến hai mươi (XX).

+ HS **viết** một vài số bằng chữ số La Mã: 13, 14, 15, 20 (nhìn mẫu trên bảng để viết).

## 3. Thực hành (HS sử dụng SGK)

### Bài 1:

- HS hoạt động nhóm đôi, các em **đọc** cho nhau nghe.

- Sửa bài, GV cho HS **đọc** các số La Mã theo cột dọc, hàng ngang, theo thứ tự bất kì để HS nhận dạng được các số La Mã.

**Bài 2:** Chuyển xuống hoạt động cùng cố.

## LUYỆN TẬP

**Bài 1:** HS tập viết số La Mã.

## CỦNG CỐ

Có thể dùng một trò chơi chuyển tải nội dung Thực hành 2.

GV dùng mô hình đồng hồ có chữ số La Mã.

– GV xoay kim đồng hồ → HS **đọc** giờ.

– GV đọc giờ → HS chạy lên **xoay** kim đồng hồ.

### Vui học

HS **đọc** các câu trong hình.

GV có thể nói thêm về Hội khoẻ Phù Đổng và nói về ích lợi của việc đọc sách.

### Hoạt động thực tế

Cùng người thân tìm hiểu xem chữ số La Mã còn thấy ở đâu (ngoài đồng hồ).

## EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ? (2 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.
- Cùng cố về điểm, đoạn thẳng, bảng các đơn vị đo độ dài.

**2. Năng lực chủ trọng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống.

**Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

### B. Thiết bị dạy học

GV: hình vẽ cho bài 6, bảng cho bài 7.

### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

## KHỞI ĐỘNG

Trò chơi ĐỐ BẠN

GV: viết số lên bảng. Ví dụ: 513.

Cả lớp: đọc số “năm trăm mười ba”.

GV: Chữ số 3 ở hàng nào?

Cả lớp: Chữ số 3 ở hàng đơn vị.

Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội.